TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/KDTM-ST
Ngày: 16-06-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệp Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Bà Lê Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 39/2021/TLST-KDTM ngày 25 tháng 05 năm 2021 về *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q (MQ). Địa chỉ: 18 đường L, phường T, quận C, Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy Đ, sinh năm 1983. Văn bản ủy quyền số 1719/UQ - MB - HS ngày 16.04.2021 (Có mặt).

* **Bị đơn:** Công ty cổ phần S. Địa chỉ: BT8 khu đô thị mới V, phường L, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K (Có đơn xin vắng mặt).

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: (Đều vắng mặt)

1. Công ty TNHH W. Địa chỉ: Số 86A đường Chu Văn An, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Tổng công ty X- Công ty cổ phần C. Địa chỉ: Số 623 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

3. Công ty cổ phần H (Tên cũ: Công ty TNHH H; Công ty cổ phần H). Địa chỉ: Số 32 lô 1A Khu đô thị mới T, phường H, quận C, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

* Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là MQ) và Công ty cổ phần S đã ký 07 Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng; 15 khế ước nhận nợ như sau:

1. Hợp đồng trung dài hạn số 209.10.011.698921.TD ngày 01.09.2010 và các phụ lục hợp đồng, số tiền ngân hàng giải ngân theo khế ước nhận nợ LD1024400253 là 12.298.534.248đ, theo khế ước nhận nợ LD1026500259 là 1.709.016.840đ.

Thời hạn vay: 60 tháng

Mục đích vay: Nhập khẩu máy khoan cọc nhồi.

Lãi suất: 15%/năm

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Tài sản đảm bảo là Máy khoan cọc nhồi - đã giải chấp.

2. Hợp đồng trung dài hạn số 252.10.011.698921.TD ngày 23.10.2010 và các phụ lục hợp đồng, số tiền ngân hàng giải ngân theo khế ước nhận nợ LD1030200188 là 490.000.000đ.

Thời hạn vay: 36 tháng

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 ô tô bán tải hiệu Toyota HILUX.

Lãi suất: 15,5%/năm

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Tài sản đảm bảo là 01 ô tô bán tải hiệu Toyota HILUX - đã giải chấp.

3. Hợp đồng trung dài hạn số 205.10.011.698921.TD ngày 06.12.2011 và các phụ lục hợp đồng, số tiền ngân hàng giải ngân theo khế ước nhận nợ LD1134000516 là 3.000.000.000đ, theo khế ước nhận nợ LD1134200143 là 3.100.000.000đ, theo khế ước nhận nợ số LD1200600242 là 2.290.000.000đ, theo khế ước nhận nợ số LD1211600560 là 1.200.000.000đ, theo khế ước nhận nợ số LD1217300414 là 1.900.000.000đ.

Thời hạn vay: 60 tháng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất: tại từng thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và

cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Tài sản đảm bảo là 02 Máy khoan cọc nhồi; 01 ô tô hiệu Toyota HILUX; 01 xe đầu kéo - đã giải chấp; 01 khoản phải thu từ hợp đồng số 001/HDXD - HW/2011 ngày 20.10.2011 giữa Công ty cổ phần S và Công ty TNHH W theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 233.11.011.698921.ĐB ngày 06.12.2011.

4. Hợp đồng trung dài hạn số 09.12.011.698921.TD ngày 12.01.2011 và các phụ lục hợp đồng, số tiền ngân hàng giải ngân theo khế ước nhận nợ LD1201300316 là 7.000.000.000đ.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất: tại từng thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Tài sản đảm bảo là 02 Máy khoan cọc nhồi, 01 ô tô hiệu Toyota HILUX, 01 xe đầu kéo - đã giải chấp; 01 khoản phải thu từ hợp đồng số 08/2011/HĐKD-VT ngày 12.12.2011 giữa Xí nghiệp cầu 17 và Công ty cổ phần S; 01 khoản phải thu từ hợp đồng số 127/2011/HĐ-KTTK ký ngày 19.12.2011 giữa Xí nghiệp cầu 8 và Công ty cổ phần S. Xí nghiệp cầu 7 và Xí nghiệp cầu 18 đều thuộc Tổng công ty X-Công ty CP C.

5. Hợp đồng trung dài hạn số 07.11.011.698921.TD ngày 27.01.2011 và các phụ lục hợp đồng, số tiền ngân hàng giải ngân theo khế ước nhận nợ LD1102700249 là 2.350.000.000đ.

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe đầu kéo nhãn hiệu Daewoo - Model V3TVF.

Lãi suất: tại từng thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Tài sản đảm bảo là 01 xe đầu kéo nhãn hiệu Daewoo - Model V3TVF; 01 xe Mi- Romooc 90 tấn, nhãn hiệu ABUU, Model SMRM - đã giải chấp.

6. Hợp đồng trung dài hạn số 103.12.011.698921.TD ngày 19.04.2012 và các phụ lục hợp đồng, số tiền ngân hàng giải ngân theo khế ước nhận nợ: LD1211600570 ngày 25.04.2012 là 8.000.000.000đ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất: tại từng thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và

cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Tài sản đảm bảo là: 01 xe ô tô Toyota Hilux 3.0 M/T 2; 03 máy khoan cọc nhồi - đã giải chấp; 01 khoản phải thu từ hợp đồng số 04/2012/HĐXD - MCC1 ngày 12.01.2012 kí với Công ty T - Công ty T thuộc Tổng công ty X - Công ty CP C và Hợp đồng thi công xây dựng số 312/2012/HH - SĐTL ngày 10.03.2012 kí với Công ty TNHH H - nay là Công ty cổ phần.

7. Hợp đồng trung dài hạn số 69.12.011.698921.TD ngày 07.03.2012 và các phụ lục hợp đồng, số tiền ngân hàng giải ngân theo khế ước nhận nợ:

+ LD1207900357 ngày 19.03.2011 là 190.000.000đ;

+ LD 1206800295 ngày 08.03.2012 là 1.850.000.000đ;

+ LD 1212600576 ngày 25.04.2012 là 800.000.000đ;

+ LD 1209000515 ngày 30.03.2012 là 140.000.000đ.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất: tại từng thời điểm giải ngân.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô Toyota Hilux 3.0 M/T 2; 02 máy khoan cọc nhồi-đã giải chấp; 01 khoản phải thu từ hợp đồng số 30/PK1C-BĐH ngày 08.12.2011 giữa Ban điều hành gói thầu PK1-C-Tổng công ty X và Công ty cổ phần nền móng S.

Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân là 46.317.551.088đ.

* Quá trình vay vốn và trả nợ, bị đơn đã trả được một phần nợ cho MQ và MQ đã xử lý một phần tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tính đến ngày 08.5.2021, bị đơn còn nợ MQ số tiền là 76.614.991.981đ trong đó: nợ gốc là 15.823.674.314đ, nợ lãi là 60.791.317.667đ. Tài sản đảm bảo còn lại là: Quyền đòi nợ với Công ty TNHH W; Công ty T, Xí nghiệp cầu 7, Ban điều hành gói thầu PK1C - Tổng công ty X và Công ty cổ phần H.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và đề nghị trả nợ nhưng Công ty Cổ phần S không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Vì vậy, ngân hàng khởi kiện: Buộc Công ty cổ phần S trả cho MQ số tiền tạm tính đến ngày 08.05.2021 là 76.614.991.981đ trong đó: nợ gốc là 15.823.674.314đ, nợ lãi là 60.791.317.667đ và nợ lãi phát sinh từ ngày 09.05.2021 cho đến ngày thanh toán hết nghĩa vụ với MQ theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã kí.

Trường hợp bị đơn không thực hiện thì MQ có quyền cơ quan yêu cầu thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền đòi nợ đối với: Công ty TNHH W; Công ty T, Xí nghiệp cầu 7, Ban điều hành gói thầu PK1C - Tổng công ty X và Công ty cổ phần H.

* ***Bị đơn là Công ty cổ phần S:*** Xác nhận Công ty cổ phần S có việc vay nợ, được giải ngân và quá trình trả nợ như ngân hàng trình bày và không cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho ý kiến của mình. Bị đơn trình bày hiện nay hoàn cảnh khó khăn, đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Công ty TNHH W; Tổng công ty X-Công ty cổ phần; Công ty cổ phần H mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến, tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Quá trình giải quyết vụ án***: Phía ngân hàng không xuất trình được các tài liệu chứng cứ chứng minh liên quan đến việc kí kết hợp đồng, thi công công trình, hoàn công và đối chiếu công nợ giữa Công ty cổ phần S và Công ty TNHH W; Xí nghiệp cầu 7 và Công ty cổ phần S; Công ty T và Công ty cổ phần S; Ban điều hành gói thầu PK1-C-Tổng công ty X và Công ty cổ phần S; Công ty cổ phần H và Công ty cổ phần S.

Tại phiên toà: Đương sự có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu và không bổ sung ý kiến gì khác. Ngân hàng thừa nhận việc không nắm được các công ty này có thực hiện thi công sau khi kí hợp đồng hay không. Đến nay, ngân hàng cũng không có tài liệu nào chứng minh cho việc các bên có thực hiện được hợp đồng đã kí như thế nào, các công ty này có còn nợ Công ty cổ phần S hay không. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án tuyên: Buộc Công ty cổ phần S trả cho MQ số tiền tạm tính đến ngày 16.06.2022 là 81.151.882.094đ trong đó: nợ gốc là 15.823.674.314đ, nợ lãi là 65.328.207.780đ (trong đó: nợ lãi trong hạn là 9.166.855.351đ, nợ lãi quá hạn là 56.161.352.430đ) và nợ lãi phát sinh từ ngày 17.06.2022 cho đến ngày thanh toán hết nghĩa vụ với MQ theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã kí. Trường hợp bị đơn không thực hiện thì MQ có quyền cơ quan yêu cầu thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền đòi nợ đối với: Công ty TNHH W; Công ty T, Xí nghiệp cầu 7, Ban điều hành gói thầu PK-1-C thuộc Tổng công ty X và Công ty cổ phần H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên toà: Thẩm phán, Thư ký Toà án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người liên quan không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn đưa vụ án ra xét xử chưa bảo đảm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần S trả cho MQ số tiền tạm tính đến ngày 16.06.2022 là 81.151.882.094đ trong đó nợ gốc là 15.823.674.314đ, nợ lãi là 65.328.207.780đ và nợ lãi phát sinh từ ngày 17.06.2022 cho đến ngày thanh toán hết nghĩa vụ với MQ theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã kí. Không chấp nhận các yêu cầu khác của ngân hàng.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***:

* *Về quan hệ pháp luật*: Công ty cổ phần S và Ngân hàng TMCP Q (MQ) đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc kí kết 07 hợp đồng cấp tín dụng trung và dài hạn nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi hiệu*:

Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp 07 Hợp đồng cấp tín dụng trung và dài hạn. Bị đơn là Công ty cổ phần S có địa chỉ tại BT8 khu đô thị mới V, phường L, quận H, Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hà Đông, Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp toà án và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty cổ phần S vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc đòi tiền cho vay Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

* *Về thủ tục tố tụng khác*: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng khi Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không xét.

[2] ***Về nội dung vụ án***:

* *Về hiệu lực của hợp đồng*: Công ty cổ phần S và Ngân hàng TMCP Q (MQ) đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc kí kết 07 hợp đồng tín dụng trung và dài hạn, phụ lục hợp đồng và các Khế ước nhận nợ. Việc kí kết hợp đồng, phụ lục hợp đồng và Khế ước nhận nợ trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

* *Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn*:

Sau khi kí kết hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho Công ty cổ phần S số tiền 46.317.551.088đ. Công ty cổ phần S đã nhận đủ số tiền để sử dụng và đã trả được một phần gốc và lãi, đồng thời đã giải chấp toàn bộ tài sản. Sau đó, Công ty cổ phần S không thanh toán tiếp cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng khởi kiện buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 15.823.674.314đ theo 07 hợp đồng tín dụng trung và dài hạn, phụ lục hợp đồng và các Khế ước nhận nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

* *Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn*: Nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần S phải trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 16.06.2022 là 65.328.207.780đ trong đó: nợ lãi trong hạn là 9.166.855.351đ, nợ lãi quá hạn là 56.161.352.430đ và nợ lãi phát sinh từ ngày 17.06.2022 cho đến ngày thanh toán hết nghĩa vụ với MQ theo các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã kí.

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và các văn bản khác đã kí kết, hai bên đã tự nguyện thỏa thuận kí kết mức lãi suất cho vay theo Giấy (khế ước) nhận nợ theo nguyên tắc lãi suất biến đổi được áp dụng theo quy định của Ngân hàng công bố từng thời kì. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận.

Tại khoản 2 điều 90 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.* Việc Công ty cổ phần S tự nguyện kí kết hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với các điều 388, 389, 390, 391, 402,

405 và 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 và 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, do vậy buộc Công ty cổ phần S phải trả số tiền nợ lãi (tính đến ngày 16.06.2022): 65.328.207.780đ là có căn cứ và được chấp nhận. Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 16.06.2022 là: 81.151.882.094đ (tám mươi mốt tỉ, một trăm năm mươi mốt triệu tám trăm tám mươi hai nghìn không trăm chín mươi tư đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 15.823.674.314đ, số tiền nợ lãi là 65.328.207.780đ gồm nợ lãi trong hạn là 9.166.855.351đ, nợ lãi quá hạn là 56.161.352.430đ.

Công ty cổ phần S tiếp tục trả lãi suất theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản khác đã ký kết kèm theo cho đến khi Công ty cổ phần S thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng.

* *Về yêu cầu kê biên phát mại tài sản đảm bảo của nguyên đơn*:

Nguyên đơn đề nghị tòa án tuyên: Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: 01 khoản phải thu từ hợp đồng số 001/HDXD - HW/2011 ngày 20.10.2011 giữa Công ty cổ phần S và Công ty TNHH W; 01 khoản phải thu từ hợp đồng số 08/2011/HĐKD-VT ngày 12.12.2011 giữa Xí nghiệp cầu 7 và Công ty cổ phần S; 01 khoản phải thu từ hợp đồng số 04/2012/HĐXD - MCC1 ngày 12.01.2012 giữa Công ty T và Công ty cổ phần S; 01 khoản phải thu từ hợp đồng số 30/PK1C–BĐH ngày 08.12.2011 giữa Ban điều hành gói thầu PK-1-C và Công ty cổ phần S; 01 khoản phải thu từ Hợp đồng thi công xây dựng số 312/2012/HH - SĐTL ngày 10.03.2012 giữa Công ty TNHH H - nay là Công ty cổ phần Hvà Công ty cổ phần S. Xí nghiệp cầu 7, Công ty T, Ban điều hành gói thầu PK-1-C đều thuộc Tổng công ty X - Công ty CP C. Tuy nhiên, phía ngân hàng không có chứng cứ chứng minh rằng các công ty này có còn nợ công ty cổ phần S hay không. Do đó yêu cầu này của Ngân hàng Q không có căn cứ chấp nhận.

[3] ***Về án phí và quyền kháng cáo***: Công ty cổ phần S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngân hàng phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 35, Điều 39, 147, 177, 220, khoản 2 các điều 227, 235, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 110, 160, 301, 317, 318, 323, 342, 343, 350, 351, 426, 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 163 NĐ-CP ngày 29.12.2006 đã được sửa đổi theo nghị định 11/2012/ của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo;

Căn cứ Quyết định 1627/2001/QĐ NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng;

Căn cứ Nghị định số 75/2000/ NĐ-CP ngày 8.12.2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (MQ) đối với Công ty cổ phần S.

2. Buộc Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (MQ) tổng số tiền nợ theo 07 hợp đồng tín dụng trung và dài hạn hạn mức, phụ lục hợp đồng và các Khế ước nhận nợ tính đến ngày 16.06.2022 là 81.151.882.094đ (tám mươi mốt tỉ, một trăm năm mươi mốt triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, không trăm chín mươi tư đồng).Trong đó: số tiền nợ gốc là 15.823.674.314đ, số tiền nợ lãi là 65.328.207.780đ (gồm nợ lãi trong hạn là 9.166.855.351đ, nợ lãi quá hạn là 56.161.352.430đ).

3. Buộc Công ty cổ phần S phải tiếp tục trả số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quá hạn quy định tại 07 hợp đồng tín dụng trung và dài hạn hạn mức, phụ lục hợp đồng và các Khế ước nhận nợ từ ngày 17.6.2022 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q (MQ).

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q (MQ) yêu cầu Tòa án tuyên quyền đòi nợ đối với Công ty TNHH W; Tổng công ty X - Công ty cổ phần; Công ty cổ phần H.

5. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

6. Về án phí:

Công ty cổ phần S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 189.151.882đ *(một trăm tám mươi chín triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng).*

Ngân hàng TMCP Q (MQ) phải chịu số tiền 2.000.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí *92.300.000đ (chín mươi hai triệu, ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai số 0009132 ngày 25.05.2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Hoàn lại Ngân hàng TMCP Q (MQ) số tiền *90.300.000đ (chín mươi triệu, ba trăm nghìn đồng).*

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND TP.Hà Nội;*
- *VKSND TP.Hà Nội;*
- *VKSND quận Hà Đông, Hà Nội;*
- *THADS quận Hà Đông, Hà Nội;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Diệp Linh